TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do -Hạnh phúc

Bản án số: 18/2017/HNGĐ- ST
Ngày: 26/9/2017
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC - TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân:

1. Ông Lê Thanh Sơn- Chủ tịch Liên đoàn lao động huyện Mộ Đức
2. Bà Phạm Thị Lệ Nguyên- Bí thư huyện đoàn huyện Mộ Đức

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mỹ Hạnh- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Mộ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2017/TLST- HNGĐ, ngày 11 tháng 5 năm 2017 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2017/QĐXXST- HNGĐ, ngày 25 tháng 8 năm 2017 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2017/QĐST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1982
2. *Bị đơn:* Anh Trần Thanh T, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Trong đơn khởi kiện ngày 20/4/2017, bản tự khai ngày 09/5/2017 và tại phiên tòa, nguyên đơn Bùi Thị T trình bày: Tôi và anh Trần Thanh T tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Vợ chồng anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ,

huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 31/8/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng được 03 năm rồi ra ở riêng. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh T có hành vi bạo lực gia đình, thường xuyên đánh đập tôi. Tôi đã nhiều lần chịu đựng nhưng anh T vẫn chứng nào tật nấy, không chịu thay đổi. Nay xét thấy tình cảm giữa tôi và anh T không còn nên tôi yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức cho tôi được ly hôn với anh Trần Thanh T.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Trần Trung H, sinh ngày 26/9/2005 và Trần Trung Huy H, sinh ngày 06/9/2008. Khi ly hôn, tôi giao cả hai con chung cho anh T nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi xin rút phần yêu cầu chia tài sản chung để tôi và anh T tự thỏa thuận phân chia, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)- Chi nhánh Quảng Ngãi số tiền 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng), nợ bà Nguyễn Thị T ở thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), nợ ông Bùi Quốc H 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

* Tại bản tự khai đề ngày 18/5/2017, bị đơn Trần Thanh T trình bày: Tôi và Bùi Thị T kết hôn với nhau vào ngày 31/8/2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Nay cô T yêu cầu ly hôn, tôi không đồng ý vì giữa vợ chồng chưa thỏa thuận được về nhiều vấn đề, nếu cô T nhất quyết yêu cầu ly hôn thì tôi đồng ý.

Về con chung: Có hai con chung, họ tên, ngày, tháng, năm sinh đúng như cô T trình bày.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Có nợ của bà Kiều Thị H ở thôn 5, xã Đức C, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi một cây tư vàng. Nợ bà Nguyễn Thị T ở thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi 10.000.000đ (Mười triệu đồng), nợ ông Bùi Quốc H ở thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi 5.000.000đ và nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)- Chi nhánh Quảng Ngãi số tiền 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) chưa tính lãi. Trong trường hợp ly hôn thì tôi yêu cầu mỗi người trả ½ số nợ trên.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên trong vụ án bao gồm bà Kiều Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Bùi Quốc H và Ngân hàng Sacombank biết về việc Tòa án thụ lý vụ án. Tuy nhiên, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

*Các tài liệu, chứng cứ mà các đương sự đã giao nộp cho Tòa án: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao), giấy khai sinh tên Trần Trung H, Trần Trung Huy H (Bản

sao), giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy (Bản sao), chứng minh nhân dân tên Bùi Thị T (Bản sao), sổ hộ khẩu đứng tên chủ hộ Trần Thanh T (Bản sao).

*Các tình tiết các đương sự đã thống nhất và không thống nhất được với nhau:

- Các tình tiết các đương sự đã thống nhất:

+ Có hai con chung tên Trần Trung H, sinh ngày 26/9/2005 và Trần Trung Huy H, sinh ngày 06/9/2008.

+ Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về nợ chung: Nợ ông Bùi Quốc H ở thôn 6, xã Đ, huyện M , tỉnh Quảng Ngãi 5.000.000đ và nợ của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín (Sacombank)- Chi nhánh Quảng Ngãi số tiền 125.000.000đ (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng) chưa tính lãi.

- Các tình tiết các đương sự không thống nhất được với nhau:

+ Chị T yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý.

+ Về nợ chung: Anh T trình bày còn nợ của bà Kiều Thị H một cây tư vàng và nợ của bà Nguyễn Thị T 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Chị T trình bày nợ của bà Nguyễn Thị T số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

* Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự Thẩm phán, Thư ký tòa án, các Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn, đều thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử tiến hành nghị án. Bị đơn không tham gia quá trình giải quyết vụ án nên vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

Về con chung: Giao hai con chung là Trần Trung H và Trần Trung Huy H cho bị đơn nuôi dưỡng. Nguyên đơn không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đình chỉ phần yêu cầu chia tài sản chung giữa nguyên đơn và bị đơn.

Về nợ chung: Bà Kiều Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Bùi Quốc H, Ngân hàng Sacombank- Chi nhánh Quảng Ngãi đều không yêu cầu chị T, anh T trả nợ nên Tòa án không xem xét. Khi nào bà Kiều Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Bùi Quốc H, Ngân hàng Sacombank- Chi nhánh Quảng Ngãi có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí về dân sự sơ thẩm về hôn nhân.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Ngày 20/4/2017 chị Bùi Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Thanh T và yêu cầu được nuôi con chung. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Tại thời điểm chị T khởi kiện thì anh Trần Thanh T đang có hộ khẩu và cư trú tại thôn 6, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án (Gồm: Giấy triệu tập làm việc; thông báo về phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải) cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn không có mặt. Tòa án cũng đã đã triệu tập hợp lệ bị đơn tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn Bùi Thị T và bị đơn Trần Thanh T là hợp pháp. Quan hệ hôn nhân là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 31/8/2005. Trong quá trình chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn nên nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn nhưng bị đơn Trần Thanh T không đồng ý. Tuy nhiên, tại biên bản đối chất ngày 25/5/2017, bị đơn trình bày nếu nguyên đơn cương quyết ly hôn thì bị đơn đồng ý. Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn vì cảm thấy tình cảm đã không còn, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc khác, bị đơn Trần Thanh T đã được triệu tập để đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn không đến. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để nguyên đơn và bị đơn quay về đoàn tụ chung sống. Điều này chứng tỏ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn.

[3] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất có hai con chung tên Trần Trung H, sinh ngày 26/9/2005 và Trần Trung Huy H, sinh ngày 06/9/2008. Chị T yêu cầu khi ly hôn giao cả hai con chung cho anh T nuôi dưỡng. Tại biên bản đối chất ngày 25/5/2017, anh T đồng ý nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo sự phát triển toàn vẹn của các cháu, xuất phát từ lợi ích về mọi mặt của cháu H, cháu H nên Hội đồng xét xử xem xét quyết định giao hai con chung cho anh T nuôi dưỡng. Nhưng quyết định giao con cho ai nuôi thì phải xem xét về nguyện vọng của các con từ đủ 07 tuổi trở lên; Cả hai cháu H và

H đều có nguyện vọng được ở với anh T, vì vậy Hội đồng xét xử cần thấy nên giao cả hai con chung cho anh T nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không cấp dưỡng nuôi con, anh T không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Việc chị T xin rút một phần yêu cầu chia tài sản chung là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị T và anh T. Khi các đương sự có yêu cầu chia tài sản chung thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Bà Kiều Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Bùi Quốc H, Ngân hàng Sacombank- Chi nhánh Quảng Ngãi đều không yêu cầu chị T, anh T trả nợ nên Tòa án không xem xét. Khi nào bà Kiều Thị H, bà Nguyễn Thị T, ông Bùi Quốc H, Ngân hàng Sacombank- Chi nhánh Quảng Ngãi có yêu cầu thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[7] Về án phí: Nguyên đơn Bùi Thị T phải chịu án dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[8] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 01 Điều 28, Điều 147, Điều 217, điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Tuyên xử:

1. Cho nguyên đơn Bùi Thị T được ly hôn bị đơn Trần Thanh T.

2. Giao cháu Trần Trung Huy H sinh ngày 06/9/2008 và cháu Trần Trung H, sinh ngày 26/9/2005 cho anh Trần Thanh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chi T không cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị Bùi Thị T và anh Trần Thanh T.

4. Nguyên đơn Bùi Thị T phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 6.050.000^{đ} (Sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004097 ngày 09/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộ Đức. Hoàn trả lại cho nguyên đơn Bùi Thị T số tiền 5.750.000đ (Năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

5. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà

Phạm Minh Vương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ		THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
Lê Thanh Sơn	**Phạm Thị Lệ Nguyên**	**Phạm Minh Vương**

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đức Chánh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà

Phạm Minh Vương